

Bản án số: 13/2024/DS-PT
Ngày 10-6-2024
V/v “Tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: ông Trần Thanh Tông

ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2024/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp thay đổi người nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hoài P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số A, Hẻm S, đường Đ, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quang M và Luật sư Nguyễn Xuân T1, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư T3, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – chị Lê Thị Mộng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-12-2023; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Hoài P trình bày:

Anh và chị Lê Thị Mộng T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Theo Quyết định trên, Tòa án giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Phương N, sinh ngày 10-5-2021 là con chung của anh chị; anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8-2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn chị T thường xuyên bỏ bê, không chăm nom và chăm sóc đầy đủ cho cháu N, khiến cho cháu N ngày càng ốm yếu, không phát triển được về mặt thể chất nên sau khi thăm con thì anh có thông báo cho chị T biết và rước cháu N về sinh sống với anh từ ngày 18-9-2022. Hiện nay, anh đang đi làm cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D tại Số A, Đường C, Khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, mỗi tháng thu nhập ổn định 10.500.000 đồng và có nhiều thời gian giành cho con. Đồng thời, cháu N đang học Trường mầm Non V tại Số G, Đường L, Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (gần nhà anh P) và sinh sống ổn định với gia đình anh P từ khi sinh ra đến ngày 07-02-2024 (ngày 28 Tết Giáp Thìn năm 2024), chị T xin rước cháu N đi sắm đồ Tết và không giao cháu N lại cho anh P. Nay anh P khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh yêu cầu Tòa án giao cháu N cho anh được nuôi dưỡng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh P về việc chị và anh P đã có Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn ngày 18-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Sau khi ly hôn, chị về nhà mẹ ruột tại Tổ C, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh sinh sống làm nghề cạo mủ cao su. Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị T chỉ đưa cháu N về thăm ông bà nội mỗi tháng khoảng 03 lần, mỗi lần không quá 10 ngày. Gia đình anh P đăng ký cho cháu N đi học như thế nào chị không rõ. Từ ngày 07-02-2024, chị rước cháu N sắm đồ Tết và không giao cháu N lại cho anh P vì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi Tòa án có thẩm quyền chấp nhận thay đổi người nuôi con thì chị sẽ giao cháu N lại cho anh P. Chị T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh P vì sau khi ly hôn, anh P không cấp dưỡng nuôi con; anh P có ý định đưa cháu N đi nước ngoài và anh P đã từng bạo lực với chị nên chị lo sợ anh P sẽ đánh đập cháu N.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024, của Tòa án nhân huyện TC, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Án lệ số 54/2024/AL được công bố ngày 14-10-2022; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoài P về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” đối với chị Lê Thị Mộng T.

Buộc chị Lê Thị Mộng T giao cháu Trần Nhật Phương N, sinh ngày 10-5-2021 cho anh Trần Hoài P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, anh Trần Hoài P không yêu cầu chị Lê Thị Mộng T cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/3/2024 chị T kháng cáo không đồng ý giao con cho anh P nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp bản sao hợp đồng lao động giữa chị và doanh nghiệp S, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 15/02/2024.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T cho rằng: việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh P trực tiếp nuôi cháu N từ tháng 9/2022 là không chính xác, vì tháng 1/2023 chị T có đưa con đi khám bệnh; không đưa Công ty D nơi anh P làm việc tham gia tố tụng để xác định anh P có làm tại Công ty hay không, mức lương bao nhiêu là chưa điều tra đầy đủ; nên đề nghị hủy án để xét xử sơ thẩm lại hoặc sửa án chấp nhận kháng cáo của chị T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P cho rằng: việc anh P nuôi con từ tháng 9/2022 thể hiện qua lời trình bày của chị T, sự xác nhận của Ban Q nơi anh P sống.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo chị T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của chị T là bị đơn làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: ngày 18-7-2022 theo sự thỏa thuận của chị T và anh P khi ly hôn sẽ giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên, sau khi chị T nuôi cháu N được 02 tháng, đến ngày 18-9-2022, trên cơ sở đồng thuận của chị T, anh P đã trực tiếp nuôi cháu N, đưa cháu đi học và tạo điều kiện cho chị T thăm nom con chung. Đến

ngày 07-02-2024 khi chị T rước cháu N nói là đi sắm đồ Tết thì không đưa cháu N quay lại nhà anh P, không đưa cháu đi học tại T2 miễn non nơi cháu đang học và cũng không cho anh P thăm con đến nay.

[3] Việc anh P trực tiếp nuôi cháu N, cho cháu N cùng sống chung với gia đình ông bà nội của cháu, là nơi từ khi sinh ra cháu đã sống và quen với môi trường sinh hoạt; được đưa đi học, chữa trị kịp thời mỗi khi đau ốm là để bảo đảm cho sự phát triển bình thường của cháu, thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con trẻ. Các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tại Trường M1, chứng từ khám bệnh và chính quyền cơ sở nơi anh P cư trú thể hiện anh P là người trực tiếp nuôi cháu N từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2024. Chị T cho rằng, hàng tháng có đưa cháu N thăm ông bà nội 3 lần, mỗi lần khoảng 10 ngày. Lời trình bày của chị T mặc dù không phù hợp với thực tế nhưng cũng thể hiện là cháu N hàng tháng ở với anh P.

[4] Hơn nữa, anh P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định tại nơi cư trú; chị T là lao động tự do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; chị T cũng không có nơi ở cố định. Chị T đăng ký cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi ly hôn với anh P thì chị T về sinh sống và cạo mủ cao su cùng mẹ ruột và cha dượng tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tại phiên tòa phúc thẩm chị khai hiện đang sống tại xã B, huyện B, Tp Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm đã thể hiện chị T không sống và làm việc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh và hiện tại cũng không biết chính xác chị T ở tại địa chỉ nào.

Ngày 07/6/2024 chị T gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm bản sao Hợp đồng lao động giữa chị và Công ty TNHH MTV D1 có trụ sở tại xã B, huyện B, tp Hồ Chí Minh với công việc làm lễ tân khách sạn. Tuy nhiên, hợp đồng có thời hạn từ ngày 15/02/2024, tức là ký trước đó, trong khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 15/3/2024, nhưng chị không khai có làm tại nơi này và cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện có việc làm; tại phiên tòa sơ thẩm chị T khai đang cùng mẹ ruột cạo mủ cao su tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; đến nay chị T mới cung cấp hợp đồng lao động nên không đủ tin cậy độ chính xác và tin cậy thông tin do chị T cung cấp.

[5] Mặt khác, thực tế chứng minh một mình anh P có thời gian dài nuôi dưỡng cháu N từ khi hơn 01 tuổi, anh P nuôi cháu N tốt hơn chị T ngay trong thời gian Tòa án đã giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi, thời gian sau khi ly hôn chị T chỉ trực tiếp nuôi cháu N được khoảng 02 tháng, còn lại là anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị T đem con đi nơi khác, không cho anh P thăm cũng như không thông tin cho anh P biết nơi cư trú của mình để anh P thăm con là vi phạm quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, trong khi đó thời gian anh P nuôi dưỡng cháu N thì anh P tạo điều kiện cho chị T thăm con.

[6] Tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, nếu chị T nuôi dưỡng cháu N bình thường thì phải giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; nhưng do chị T không đủ điều kiện nuôi dưỡng; sau khi ly hôn chủ yếu do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Tòa án cấp sơ thẩm áp Án lệ số 54/2024/AL được công bố ngày 14-10-2022 là phù hợp với thực tế và khoản 3 Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu N đã trên 03 tuổi.

[7] Về lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh P trực tiếp nuôi con từ tháng 9/2022 được hính chị T thừa nhận trong các lời khai của mình và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, được cơ sở giáo dục nơi cháu N, nơi trị bệnh và chính quyền nơi cư trú xác nhận. Các chứng cứ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập là khách quan, đầy đủ và hợp pháp, nên cấp phúc thẩm không phải thu thập thêm.

Với các lý do nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, kháng cáo của chị T không có cơ sở chấp nhận, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Mộng T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Án lệ số 54/2024/AL được công bố ngày 14-10-2022; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoài P về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” đối với chị Lê Thị Mộng T.

Anh Trần Hoài P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Phương N, sinh ngày 10-5-2021.

Buộc chị Lê Thị Mộng T giao cháu Trần Nhật Phương N, sinh ngày 10-5-2021 cho anh Trần Hoài P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, anh Trần Hoài P không yêu cầu chị Lê Thị Mộng T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Anh Trần Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Trần Hoài P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo

biên lai thu số 0005726, ngày 27-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006005, ngày 18/3/2024; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh